

HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định về an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư

số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Hướng dẫn số 02/HDLS-TC-SNN&PTNT ngày 21/12/2018 hướng dẫn liên sở về việc lập dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.



Liên Sở: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính hướng dẫn thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán.

Thực hiện theo Hướng dẫn số 02/HDL.S-TC-SNN&PTNT ngày 21/12/2018 hướng dẫn liên sở về việc lập dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

2. Đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo danh mục tại Phụ lục II kèm theo Quy định này được thực hiện theo quy định tại Điều 17, Mục 1 Chương III Nghị định số 32/2019/ND-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

3. Thực hiện đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

3.1. Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng có văn bản gửi các đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi: Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn (gọi tắt là Công ty); Các Tổ chức thủy lợi cơ sở lập hồ sơ đặt hàng gửi cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng xem xét, tổng hợp hồ sơ đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đồng thời gửi cơ quan Tài chính cùng cấp cho ý kiến đề cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng xem xét trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Sau khi có quyết định phê duyệt dự toán đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng thực hiện rà soát, phê duyệt dự toán đặt hàng cho cả năm kế hoạch và ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi vào quý I hàng năm.

Căn cứ hợp đồng đã ký kết, các đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm thực hiện các nội dung, tiến độ công việc đảm bảo đúng yêu cầu quy định. Sau khi hoàn thành, cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với các đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo đúng quy định.

4. Hồ sơ đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

4.1. Hồ sơ đặt hàng gồm các nội dung chủ yếu như sau:

a) Đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (tên đơn vị, trụ sở,...).

b) Đánh giá năng lực cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (tài chính, trình độ kỹ thuật,...); đánh giá kết quả thực hiện đặt hàng năm hiện hành (nếu có).

c) Thời gian đặt hàng, địa bàn đặt hàng.

d) Thuyết minh các nội dung: Trên cơ sở đề xuất khối lượng đặt hàng năm kế hoạch. Căn cứ áp dụng giá, đơn giá, mức trợ giá; định mức kinh tế kỹ thuật để xác định giá trị đặt hàng. So sánh giữa phương án đặt hàng năm kế hoạch với ước thực hiện của năm hiện hành; đánh giá, phân tích cụ thể nguyên nhân tăng, giảm.

đ) Thuyết minh, giải trình một số nội dung khác có liên quan (nếu có).

4.2. Các tài liệu bao gồm:

- Các văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền đã ban hành;
- Các bảng biểu: Bảng tổng hợp đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Bảng tổng hợp khối lượng đặt hàng quản lý, khai thác, vận hành, bảo trì công trình thủy lợi; Bảng tổng hợp dự toán đặt hàng cho hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Bảng tổng hợp năng lực các cá nhân tham gia quản lý khai thác công trình thủy lợi và các tài liệu có liên quan khác...

- Các khoản chi phí quản lý vận hành; chi cho công tác bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi, sửa chữa thường xuyên theo hướng dẫn số 1641/HD-SNN ngày 26/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

5. Hợp đồng đặt hàng

5.1. Nội dung và hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 19, Mục 1 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

5.2. Tùy theo điều kiện thực tế, các quy định hiện hành các bên cần bổ sung thêm nội dung (hoặc điều khoản mới) quy định thêm tiêu chí để xác định chất lượng dịch vụ, làm căn cứ cho việc nghiệm thu khối lượng và chất lượng dịch vụ mà đơn vị quản lý cung cấp.

6. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng

6.1. Việc điều chỉnh hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại Điều 20 Mục 1, Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

6.2. Điều chỉnh hợp đồng phải được quy định cụ thể trong văn bản hợp đồng, văn bản thỏa thuận về điều kiện của hợp đồng (nếu có) và chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

6.3. Xử lý các trường hợp phát sinh

- Trường hợp trong năm có khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi đặt hàng đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi báo cáo cơ quan đặt hàng thẩm định và có ý kiến (khối lượng, giá trị và đề xuất phương thức thực hiện,...) gửi cơ quan tài chính kiểm tra cho ý kiến, sau đó cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng trình UBND cùng cấp phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng theo quy định.



- Thời gian cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng gửi hồ sơ điều chỉnh đặt hàng đến cơ quan tài chính chậm nhất ngày 10/10 hàng năm. Thời gian trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chậm nhất hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành. Căn cứ quyết định điều chỉnh dự toán, cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng điều chỉnh dự toán đặt hàng để thực hiện.

7. Quản lý, giám sát và nghiệm thu hợp đồng đặt hàng

7.1. Về công tác quản lý, giám sát

a) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện hợp đồng đặt hàng cả về thời gian, khối lượng và chất lượng đối với các hoạt động mà đơn vị nhận đặt hàng thực hiện;

b) Việc kiểm tra, giám sát phải tổ chức định kỳ và đột xuất, đảm bảo đúng các yêu cầu về kỹ thuật được quy định trong hồ sơ và hợp đồng đặt hàng.

7.2. Về nghiệm thu

a) Thời gian nghiệm thu: Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng tổ chức nghiệm thu theo vụ sản xuất khi hoàn thành công việc theo hợp đồng đặt hàng.

b) Thành phần, nội dung nghiệm thu và hồ sơ nghiệm thu: Các bộ phận giám sát, phòng chuyên môn thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng và đơn vị thực hiện hợp đồng đặt hàng.

Nội dung nghiệm thu: Các công việc đặt hàng đã được thực hiện trong tháng, quý, cả năm theo hồ sơ và hợp đồng đặt hàng theo quy định.

Hồ sơ nghiệm thu: Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng, bảng thanh toán khối lượng, hồ sơ quyết toán,... và các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng (nếu có).

8. Thanh toán, quyết toán hợp đồng đặt hàng.

8.1. Thanh toán.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; hợp đồng đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng và đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thanh toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước và theo quy định tại Điều 24 Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

8.2. Quyết toán.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, hợp đồng đã được ký kết; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan (nếu có), cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước và theo quy định tại Điều 25 Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Hướng dẫn số 02/HDLS-TC-SNN&PTNT ngày 21 tháng 12

năm 2018 hướng dẫn liên sở về việc lập dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, xin gửi ý kiến phản ánh (bằng văn bản) về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Ghi chú: Biên bản nghiệm thu đặt hàng; Hợp đồng đặt hàng; Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng; Bảng kê diện tích kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ và Hướng dẫn 02/HĐLS-TC-SNN&PTNT ngày 21 tháng 12 năm 2018 hướng dẫn liên sở về việc lập dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thành phố;

Gửi bản giấy:

- Công ty TNHH MTV quản lý khai thác CTTL Bắc Kạn;
- Lưu: VT, CCTL.

**KT.GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đình Thị Ven

**KT.GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Kim Oanh



